


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..........

I U L
T CHỨC VÀ HỌ TÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

HÒA BÌNH - 11/2009

M C L C

PH N M U	5
CH NG I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L	5
i u 1. nh ngh a.....	5
CH NG II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY	6
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty	6
CH NG III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY	7
i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty	7
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng	7
CH NG IV. QUY N VÀ NGH A V C A CÔNG TY	8
i u 5. Quy n t ch s n xu t kinh doanh c a Công ty	8
i u 6. Quy n qu n lý tài chính c a Công ty	8
i u 7. Quy n và ngh a v c a Công ty khi tham gia ho t ng công ích	9
i u 8. Quy n t ch i.....	9
i u 9. Ngh a v qu n lý ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty.....	9
i u 10. Ngh a v tài chính c a Công ty.....	10
CH NG V. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P.....	10
i u 11. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p.....	10
i u 12. Ch ng ch c phi u	11
i u 13. Ch ng ch ch ng khoán khác.....	12
i u 14. Chuy n nh ng c ph n	12
i u 15. Thu h i c ph n	12
CH NG VI. C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT.....	13
i u 16. C c ut ch c qu n lý.....	13
CH NG VII. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG.....	13
i u 17. Quy n c a c ông.....	13
i u 18. Ngh a v c a c ông.....	14
i u 19. i h i ng c ông.....	15
i u 20. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông.....	16
i u 21. Các i di n c y quy n.....	17
i u 22. Thay i các quy n	18
i u 23. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p, và thông báo h p i h i ng c ông	19
i u 24. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông.....	20

i u 25. Th t h c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông	20
i u 26. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	22
i u 27. Th m quy n và th t h c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	23
i u 28. Biên b n h p i h i ng c ông.....	24
i u 29. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông.....	24
CH NG VIII. H I NG QU N TR	25
i u 30. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	25
i u 31. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	26
i u 32. Ch t ch, Phó Ch t ch H i ng qu n tr	28
i u 33. Thành viên H i ng qu n tr thay th	29
i u 34. Các cu c h p c a H i ng qu n tr	30
CH NG IX. GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY.....	33
i u 35. T ch c b máy qu n lý.....	33
i u 36. Cán b qu n lý.....	33
i u 37. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a Giám c i u hành.....	33
i u 38. Th ký Công ty	35
CH NG X. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR, GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ.....	35
i u 39. Trách nhi m c n tr ng c a Thành viên H i ng qu n tr , Giám c i u hành và cán b qu n lý.....	35
i u 40. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i	35
i u 41. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng.....	36
CH NG XI. BAN KI M SOÁT.....	37
i u 42. Thành viên Ban ki m soát.....	37
i u 43. Ban ki m soát.....	38
CH NG XII. QUY N I U TR A SÁCH VÀ H S CÔNG TY.....	40
i u 44. Quy n i u tr a sách và h s	40
CH NG XIII. NG C NG S N VI T NAM, CÔNG OÀN, OÀN THANH NIÊN C NG S N H CHÍ MINH, CÁC T CH C CHÍNH TR XÃ H I KHÁC VÀ CÔNG NHÂN VIÊN TRONG DOANH NGHIỆP.....	40
i u 45. T ch c ng C ng S n Vi t Nam, Công oàn, oàn Thanh Niên C ng s n H Chí Minh và T ch c chính tr Xã h i khác, Công nhân viên và Công oàn.....	40
CH NG XIV. PHÂN CHIA L I NHU N.....	41
i u 46. C t c.....	41
i u 47. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n.....	42
CH NG XV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN.....	42

điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	42
điều 49. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	42
điều 50. Nợ tài khóa.....	42
điều 51. Hệ thống kế toán.....	43
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	43
điều 52. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	43
điều 53. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	44
CHƯƠNG XVII. KẾ MẠC TOÁN CÔNG TY.....	44
điều 54. Kế toán.....	44
CHƯƠNG XVIII. CON ĐU.....	44
điều 55. Con dấu.....	44
CHƯƠNG XIX. CHẾ ĐỘ THO T NG VÀ THANH LÝ.....	45
điều 56. Chế độ thoát nợ.....	45
điều 57. Trình tự báo cáo các thành viên Hội đồng quản trị và công đồng.....	45
điều 58. Gia hạn nợ.....	45
điều 59. Thanh lý.....	45
CHƯƠNG XX. GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
điều 60. Giới quy định tranh chấp nội bộ.....	46
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬ DỤNG.....	47
điều 61. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	47
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC.....	47
điều 62. Ngày hiệu lực.....	47
điều 63. Chế ký các công sáng lập hoặc sửa đổi nội dung theo pháp luật của Công ty./.....	47

PH N M U

C n c :

- Lu t doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i n c CHXHCN Vi t Nam khoá XI, k h p th 8 thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005 và có hi u l c thi hành k t ngày 01 tháng 7 n m 2006.
- Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 ã c Qu c h i n c C ng hòa XHCN Vi t Nam thông qua ngày 29/6/2006 và các v n b n h ng d n thi hành Lu t Ch ng khoán.
- Quy t nh s 15/2007/Q -BTC ngày 19 tháng 03 n m 2007 c a B tr ng B Tài chính v vì c ban hành i u l m u áp d ng cho các công ty niêm y t trên S Giao d ch Ch ng khoán/ Giao d ch Ch ng khoán.
- Quy t nh s : 1367/Q -BQP ngày 01 tháng 7 n m 2005 c a B tr ng B qu c phòng v vì c c ph n hoá Công ty Xây d ng 565 - T ng công ty xây d ng Tr ng S n .
- C n c Quy t nh s 3262/Q - BQP ngày 22 tháng 11 n m 2006 c a B tr ng B qu c phòng v vì c phê duy t ph ng án c ph n hóa và chuy n Công ty Xây d ng 565- T ng công ty xây d ng Tr ng S n thành Công ty C ph n Xây d ng 565 - thu c T ng công ty xây d ng Tr ng S n

i u l này c thông qua m t cách h p l t i i h i ng c ông thành l p Công ty C ph n Xây d ng 565 t ch c chính th c vào ngày 27/01/2007 và c s a i b sung thông qua Ngh quy t c a i h i ng c ông b t th ng t ch c d i hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n ngày ... tháng ... n m 2009.

CH NG I

NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. nh ngh a

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng d i ây s c hi u nh sau:
 - a. "V n i u l " là v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 11 c a i u l này.
 - b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005.
 - c. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh.
 - d. "Cán b qu n lý" là thành viên H i ng qu n tr , Giám c i u hành, Phó Giám c, K toán tr ng, Giám c Chi nhánh.
 - e. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c nào c quy nh t i i u 4.17 c a Lu t Doanh nghi p và Kho n 34 i u 6 Lu t Ch ng khoán.

- f. "Th i h n ho t ng" là th i h n ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t.
- g. "Vi t Nam" là n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.
- h. "Công ty" ngh a là Công ty C ph n Xây d ng 565.
2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng.
3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n ti n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này;
4. Các t ho c thu t ng ã c nh ngh a trong Lu t Doanh nghi p (n u không mâu thu n v i ch th ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong i u l này.

CH NG II

TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên ti ng Vi t: **CÔNG TY C PH N XÂY D NG 565**
 - Tên ti ng Anh: **565 CONSTRUCTION – JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên giao d ch: **CÔNG TY C PH N XÂY D NG 565**
 - Tên vi t t t: **565 CJSC**
2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.
3. Tr s ng ký c a Công ty:
 - a ch : Ph ng Tân Th nh, thành ph Hoà Bình, t nh Hoà Bình
 - i n tho i: (0218) 3854. 023; (0218) 3854. 024
 - Fax: (0218) 3855.055
 - E-mail : ctxd565tsc_hb@yahoo.com
4. Giám c i u hành là i di n theo pháp lu t c a Công ty.
5. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i ngh quy t c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.
6. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo i u 56.2 và i u 57 ho c gia h n ho t ng theo i u 58 c a i u l này, th i h n ho t ng c a Công ty s b t u t ngày thành l p và là vô th i h n.

7. T cách pháp nhân:

Công ty Cổ phần Xây dựng 565:

- Có t cách pháp nhân y theo qui nh c a Pháp lu t Vi t Nam.
- Có con d u riêng, c l p v tài s n, c m tài kho n t i Kho b c Nhà n c, các ngân hàng trong và ngoài n c theo quy nh c a pháp lu t.
- Có i u l t ch c và ho t ng c a Công ty.
- Ch u trách nhi m h u h n trong ph m vi v n i u l .
- T ch u trách nhi m v k t qu kinh doanh, c h ch toán c l p và t ch v tài chính.
- Có b ng cân i k toán riêng, c l p các qu theo quy nh c a pháp lu t, theo i u l và Ngh quy t c a i h i ng c ông.

CH NG III M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY

i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty

1. L nh v c kinh doanh c a Công ty:

Xây d ng các công trình giao thông ng b , ng s t, c u ng b , c u ng s t, sân bay, nhà ga, b n c ng; xây d ng các công trình thu l i, ê, p, h ch a n c, h th ng t i tiêu; xây d ng các công trình thu i n, nhi t i n, ng dây t i i n và tr m bi n th ; xây d ng các công trình công nghi p, dân d ng, công trình ng m, ng h m, h th ng chi u sáng giao thông, chi u sáng ô th ; khai thác, s n xu t kinh doanh v t li u xây d ng, c u ki n bê tông, s n xu t và gia công c khí, c u ki n thép, s n ph m h th ng an toàn giao thông, c u, v n chuy n, l p t thi t b c u ki n thép; u t và kinh doanh b t ng s n.

2. M c tiêu ho t ng c a Công ty:

Huy ng và s d ng v n có hi u qu trong vi c phát tri n s n xu t kinh doanh v các l nh v c theo các ngành ngh ng ký nh m m c tiêu thu l i nhu n t i a, t o công n vi c làm n nh cho ng i lao ng; t ng l i ích cho các c ông; óng góp cho Ngân sách Nhà n c và phát tri n Công ty ngày càng l n m nh.

i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo quy nh c a Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và i u l này phù h p v i quy nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.

2. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c H i ng qu n tr phê chu n.

CHƯƠNG IV QUY ĐỊNH VÀ NGHỊ ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Điều 5. Quy định chung sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Công ty có quy định quản lý, sản xuất và vận hành do các công đồng góp, tài sản và tài nguyên của giao sản xuất và các nguồn lực khác thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các nhân viên sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân công và điều chỉnh nhân lực giữa Công ty và các nhân viên trực thuộcம்பộhiểuquả sản xuất kinh doanh.
3. Đảm bảo môi trường thi đấu, công nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
4. Tổ chức nhánh, Văn phòng điều hành của Công ty trong nước, nước ngoài theo quy định pháp luật.
5. Kinh doanh ngành nghề được pháp luật cho phép.
6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước, trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hợp đồng sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.
7. Quy định giá mua, giá bán và thuế, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ.
8. Các quy định bổ sung quy định sản xuất công nghiệp, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, mã số mã vạch, tên gọi, xuất xứ hàng hoá theo quy định của pháp luật Việt Nam.
9. Mua sắm, liên doanh, liên kết góp vốn để phân phối các dịch vụ và ngoài nước, mua sắm phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và mục đích phát triển sản xuất kinh doanh.
10. Tuyển dụng, thuê mướn, bố trí sản xuất, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quy định mức lương trên cơ sở năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quy định khác của ngành sản xuất lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định khác của pháp luật.
11. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cán bộ, nhân viên của Công ty để công tác nước ngoài phù hợp với chức năng nhiệm vụ hợp tác sản xuất kinh doanh của Công ty và theo các quy định khác của Nhà nước.

Điều 6. Quy định quản lý tài chính của Công ty

1. Sản xuất và các quy định của Công ty phục vụ các nhu cầu trong sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển và phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Phát hành, chuyển nhượng, bán các chứng phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật.

- Quy trình sản xuất và phân phối phải phù hợp với nhu cầu còn lại cho các công việc sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, lập và sản xuất các quy định theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng.
- Chức năng các chức vụ phải thu khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quy định và nghĩa vụ của Công ty khi tham gia hoạt động công ích

- Khi các Nhà nước hoặc Bộ Quốc phòng yêu cầu, thành viên tham gia ưu tiên thực hiện hoạt động công ích, Công ty sản xuất và các đơn vị khác của mình thực hiện kế hoạch sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích theo chức năng và quy định của pháp luật về các hoạt động công ích.
- Chức năng các chức vụ, trợ giá hoặc các chức vụ khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không bù đắp chi phí sản xuất, sản phẩm, dịch vụ của Công ty.
- Phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật khi tham gia hoạt động công ích.

Điều 8. Quy định chi

Công ty có quy định chi và tác động mà yêu cầu cung cấp các đơn vị không có pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan chức năng nào, trừ những khoản tiền quy định đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

Điều 9. Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- Quản lý kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các công việc quản lý kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chiến lược, nhiệm vụ, quy định của Công ty và nhu cầu thị trường.
- Ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với đối tác.
- Thực hiện các nghĩa vụ với người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động, Mbrong người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thỏa thuận lao động tập thể và các quy chế khác.
- Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán: báo cáo thuế theo quy định của Nhà nước và báo cáo báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.
- Tuân thủ nghiêm ngặt khi cần thiếp các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ i u 10. Ngh a v tài chính c a Công ty

1. Th c hi n úng ch và các quy nh v qu n lý v n, tài s n, các qu , h ch toán k toán - th ng kê, ch ki m toán và các ch khác do pháp lu t quy nh; ch u trách nhi m v tính xác th c và k p th i c a các báo cáo tài chính c a Công ty.
2. B o toàn và phát tri n v n.
3. Th c hi n các kho n ph i thu và các kho n ph i tr ghi trong b ng cân i k toán c a Công ty t i th i i m thành l p theo quy nh c a pháp lu t.
4. Công b công khai các thông tin và các báo cáo tài chính hàng n m; ánh giá úng n và khách quan v ho t ng c a Công ty.
5. Th c hi n các ngh a v n p thu và các kho n n p Ngân sách Nhà n c theo quy nh c a pháp lu t.

CH NG V V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

đ i u 11. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p

1. **T i ngày thông qua đ i u l S a i b sung này, v n i u l c a Công ty là 25.406.440.000 ng (Hai m i l m t , b n tr m linh sáu tri u, b n tr m b n m i nghìn ng Vi t Nam)** (Theo Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh s 5400103880 ng ký thay i l n th hai do S K ho ch và u t T nh Hòa Bình c p ngày 15/07/2009)

T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành **2.540.644** c ph n v i m nh giá là 10.000 ng/c ph n.

2. Công ty có th t ng v n i u l khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t

V n i u l ch c s đ ng cho ho t ng s n xu t kinh doanh nh :

- Mua s m tài s n c nh, máy móc trang thi t b m r ng quy mô ho t ng c a Công ty;
- Phát tri n k thu t nghi p v ;
- Mua c phi u, trái phi u, góp v n, liên doanh;
- Các đ tr c n thi t v ng s n, b t ng s n;
- Kinh doanh theo n i dung ho t ng c a Công ty.

Công ty không c phép s đ ng v n i u l chia cho c ông đ i b t k hình th c nào, m i vi c s đ ng các kho n ngu n v n u ph i tuân theo quy nh c a pháp lu t.

3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua đ i u l này bao g m c ph n ph thông. Các quy n và ngh a v kèm theo c ph n c quy nh t i đ i u 17 đ i u l này.

4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng chứng khoán và các chi tiết khác về công sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ nêu tại phụ lục 1 kèm. (Phụ lục này là một phần của tài liệu này).
6. Chứng khoán phi công ưu tiên chào bán cho các công nhân hàng đầu theo một danh sách ưu tiên sẽ được phân phối trong Công ty, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quy định khác. Công ty phi công báo việc chào bán chứng khoán, trong thông báo phải nêu rõ số chứng khoán chào bán và thời hạn ký mua phù hợp, tối thiểu hai mươi ngày làm việc kể từ khi công bố có thể ký mua. Số chứng khoán không ký mua hết do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số chứng khoán cho các cá nhân theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số chứng khoán theo các điều kiện thu nhập liên quan với những cá nhân đã chào bán cho các công nhân hàng đầu, trừ trường hợp Hội đồng quản trị chấp thuận khác hoặc trong trường hợp chứng khoán được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
7. Công ty có thể mua chứng khoán do chính Công ty đã phát hành (kể cả chứng khoán ưu đãi hoàn toàn) theo những cách thức quy định trong tài liệu này và pháp luật hiện hành. Chứng khoán phi công do Công ty mua lại là chi phí ưu đãi và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của tài liệu này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi Hội đồng quản trị thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán.

Điều 12. Chứng chỉ chi phí

1. Công của Công ty sẽ chấp hành chứng chỉ chi phí ưu tiên danh sách chứng khoán và loại chứng khoán sẽ được chấp hành quy định tại Khoản 7 của Điều 12.
2. Chứng chỉ chi phí phi công có của Công ty và chi phí của chi phí đi kèm theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ chi phí phi công ghi rõ số lượng và loại chi phí mà công nhân mới, học và tên người nhận (nếu là chi phí ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi chứng chỉ chi phí ghi danh chi phí đi kèm cho một loại chứng khoán.
3. Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nộp hồ sơ chứng chỉ chi phí ưu tiên sẽ được phân phối theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán dứt điểm mua chứng khoán theo những quy định tại pháp án phát hành chứng chỉ chi phí của Công ty, người sở hữu chứng khoán sẽ chấp hành chứng chỉ chi phí. Người sở hữu chứng khoán không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ chi phí hoặc bất kỳ khoản phí gì.
4. Trường hợp chuyển nhượng chứng chỉ chi phí ghi danh trong một chứng chỉ chi phí ghi danh, chứng chỉ chi phí sẽ được chuyển nhượng và chứng chỉ chi phí ghi danh sẽ được phân phối lại sẽ được chấp hành chi phí.

- Trên hợp đồng có ghi danh bằng hoặc bằng ký hiệu hoặc bằng chữ viết, người sử dụng phải ghi danh có thể yêu cầu các hợp đồng mua và bán hàng hóa và thanh toán mà chi phí liên quan cho Công ty.
- Người sử dụng hợp đồng phải chịu trách nhiệm về việc bố trí hợp đồng và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp hợp đồng mua và bán hàng hóa bị hủy bỏ.
- Công ty có thể phát hành các hợp đồng ghi danh không theo hình thức hợp đồng. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các hợp đồng ghi danh (theo hình thức hợp đồng hoặc không hợp đồng) chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về hợp đồng và chuyển nhượng các hợp đồng theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về kế toán và thuế hợp đồng và điều lệ này.

Điều 13. Hợp đồng thanh toán khác

Hợp đồng trái phiếu hoặc các hợp đồng thanh toán khác của Công ty (trả các hàng hóa, các hợp đồng mua và bán hàng hóa và các tài sản khác), sẽ được phát hành có đơn và chứng ký mua và đi theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 14. Chuyển nhượng hợp đồng

- Tất cả các hợp đồng có thể chuyển nhượng trừ khi **điều lệ này và pháp luật có quy định khác**. Các điều kiện niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về kế toán và thuế hợp đồng của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Các hợp đồng thanh toán sẽ không được chuyển nhượng và hủy bỏ.

Điều 15. Thu hồi hợp đồng

- Trường hợp công ty không thanh toán sẽ và ứng dụng tín phiếu mua các phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu công ty thanh toán tín phiếu còn lại cùng với lãi suất trên khoản tín phiếu và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán sẽ gây ra cho Công ty theo quy định.
- Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mà (nếu thì là bằng ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, sẽ các hợp đồng thanh toán hàng hóa thu hồi.
- Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thể hiện, trừ khi thanh toán sẽ tất cả các khoản phí, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các hợp đồng. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các hợp đồng thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác quy định tại điều lệ này.

4. Công ty thu hồi và chuyển thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc ghi quỹ cho người đã sử dụng phần thu hồi hoặc các hoạt động khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Công nhân mới của phần thu hồi sẽ phải bắt cách công việc trong công ty, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan công vụ và tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định về việc thanh toán toàn bộ giá trị chi phí vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ ghi những thông tin mới của phần thu hồi trực tiếp từ thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc ghi thông báo.

CHƯƠNG VI

CẤU TRÚC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 16. Cấu trúc quản lý

Cấu trúc quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Hội đồng công;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Giám đốc điều hành;
- d. Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII

CÔNG VÀ NỘI DUNG CÔNG

Điều 17. Quy định công

1. Công là nghĩa vụ của Công ty, có các quy định và nghĩa vụ theo các phần và loại phần mà sử dụng. Công nhân chịu trách nhiệm và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi sử dụng đã góp vào Công ty.
2. Những thông tin mới của phần thông có các quy định sau:
 - a. Tham gia các hội đồng công và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định;
 - b. Nhận xét;

- c. T do chuy n nh ng c ph n ã c thanh toán y theo quy nh c a i u l này và pháp lu t hi n hành;
- d. c u tiên mua c phi u m i chào bán t ng ng v i t l c ph n ph thông mà h s h u;
- e. Ki m tra các thông tin liên quan n c ông trong danh sách c ông t cách tham gia i h i ng c ông và yêu c u s a i các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l công ty, s biên b n h p i h i ng c ông và các ngh quy t c a i h i ng c ông;
- g. Tr ng h p Công ty gi i th , c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i s c ph n góp v n vào Công ty sau khi Công ty ã thanh toán cho ch n và các c ông lo i khác theo quy nh c a pháp lu t;

h. Yêu c u Công ty mua l i c ph n c a h trong các tr ng h p quy nh t i i u 90.1 c a Lu t Doanh nghi p;

- i. Các quy n khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.
3. C ông ho c nhóm c ông n m gi trên 5% t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c t sáu tháng tr lên có các quy n sau:
- a. c các thành viên H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát theo quy nh t ng ng t i các i u 30.4 và 42.3;
 - b. Yêu c u tri u t p i h i ng c ông;
 - c. Ki m tra và nh n b n sao ho c b n trích d n danh sách các c ông có quy n tham d và b phi u t i i h i ng c ông.
 - d. Yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a Công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i th hi n b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a Công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;
 - e. c nh n, ít nh t m t n m m t l n, k ho ch kinh doanh, d toán tài chính có liên quan n ho t ng kinh doanh trong t ng lai c a Công ty và nh ng thông tin khác có nh h ng n quy n và l i ích v t ch t c a c ông;
 - f. Các quy n khác c quy nh t i i u l này.

i u 18. Ngh a v c a c ông

C ông có ngh a v sau:

1. Tuân th i u l Công ty và các quy ch c a Công ty; ch p hành quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr ;
2. Thanh toán t i n mua c ph n ã ng ký mua theo quy nh;

3. Cung cấp báo cáo chính xác khi đăng ký mua cổ phiếu;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đăng ký hình thức thực hiện mua trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác trái lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên công ty tài chính có thể xảy ra vì Công ty.

Điều 19. Nghĩa vụ công

1. Nghĩa vụ công là các quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Nghĩa vụ công thường niên do tổ chức giám đốc quản lý. Nghĩa vụ công phải thực hiện thường niên trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triển khai nghĩa vụ công thường niên và lập báo cáo tài chính phù hợp. Nghĩa vụ công thường niên quy định như sau:
 - a. Hội đồng quản trị và các thành viên phải báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kế toán viên công ty phải tham gia kiểm tra và báo cáo tài chính hàng năm.
 - b. Hội đồng quản trị phải triển khai nghĩa vụ công bằng văn bản trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo kiểm toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vấn đề bất thường;
 - c. Khi sự thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn sự thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ;
 - d. Công ty hoặc nhóm công ty quy định tại điều 17.3 của điều lệ này yêu cầu triển khai nghĩa vụ công bằng văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triển khai phải nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công ty liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản có thể ký các tổ chức công ty có liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triển khai cụ thể nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành vi hoặc có ý định hành vi ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
4. Triển khai nghĩa vụ công bằng văn bản:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp hội đồng trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày sự thành viên Hội đồng quản trị còn lại quy định tại Khoản 3c Điều 19 hoặc nếu cần yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 19.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp hội đồng theo quy định tại Khoản 4a Điều 19 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp hội đồng theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp hội đồng theo quy định tại Khoản 4b Điều 19 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, công đồng, nhóm công đồng có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 19 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp hội đồng theo quy định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công đồng hoặc nhóm công đồng triệu tập họp hội đồng có thẩm quyền giám sát việc triệu tập và tiến hành họp như xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp hội đồng thuộc Công ty hoàn toàn. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công đồng chi tiêu khi tham dự hội đồng, kể cả chi phí ăn và nghỉ.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của hội đồng

1. Hội đồng công đồng thành viên có quyền theo sau và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Hội đồng công đồng thành viên và bất thành công đồng qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mục đích thanh toán hàng năm cho mỗi lợi ích phần vốn của Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan về lợi ích phần vốn. Mục đích này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến các công đồng thành viên hội đồng;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành;
 - f. Tuyển dụng thôi lao động các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo thôi lao động của Hội đồng quản trị;

- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại bỏ phần và số lượng phần miễn thuế phát hành cho miễn loại bỏ phần, và việc chuyển nhượng phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;
 - j. Thành lập và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các công của Công ty;
 - l. Quy định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại phần phát hành;
 - n. Việc Giám đốc điều hành ứng cử làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với nhà cung cấp quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Công đồng không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 20.2 Điều lệ này khi công đồng hoặc người có liên quan tới công đồng là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua phần của công đồng hoặc của người có liên quan tới công đồng.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã nêu vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại hội nghị công đồng.

Điều 21. Các điều kiện quy định

- 1. Các công đồng có quyền tham dự hội nghị công đồng theo luật pháp có thẩm quyền tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhu cầu miễn nhiệm người đại diện theo ủy quyền các thì phải xác nhận bằng văn bản và số phiếu bầu của mình tại hội nghị.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp hội nghị công đồng phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp công đồng cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của công đồng và người ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của công đồng là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của công đồng và người ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đi n theo pháp luật của công và người của quy định h p.

Người của quy định h p phải đi công ph i n p v n b n u quy n tr c khi vào phòng h p.

3. Trường hợp luật s thay m t cho người quy n ký gi y ch nh i đi n, vì c ch nh i đi n trong trường hợp này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i đi n ó c xu t trình cùng v i th u quy n cho luật s ho c b n sao h p l c a th u quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).

4. Trường hợp quy nh t i kho n 3 i u 21, phi u bi u quy t c a ng i c u quy n d h p trong ph m vi c u quy n v n có hi u l c khi có m t trong các trường hợp sau ây:

a. Người quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;

b. Người quy n ã hu b vì c ch nh u quy n;

c. Người quy n ã hu b th m quy n c a ng i th c hi n vì c u quy n.

Người kho n này s không áp d ng trong trường hợp Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên b n m i tám gi tr c gi khai m c cu c h p i h i ng công ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

i u 22. Thay i các quy n

1. Các quy t nh c a i h i ng c công (trong các trường hợp quy nh t i i u 20.2 liên quan n v n c ph n c a Công ty c chia thành các lo i c ph n khác nhau) v vì c thay i ho c hu b các quy n c bi t g n li n v i t ng lo i c ph n s ch c thông qua khi có s nh t trí b ng v n b n c a nh ng ng i n m gi ít nh t 75% quy n bi u quy t c a c ph n ã phát hành lo i ó.

2. Vì c t ch c m t cu c h p nh trên ch có giá tr khi có t i thi u hai c công (ho c i đi n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Trường hợp không có s i bi u nh nêu trên thì s t ch c h p l i trong vòng ba m i ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i đi n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p riêng bi t nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i đi n u có th yêu c u b phi u kín và m i ng i khi b phi u kín u có m t lá phi u cho m i c ph n s h u thu c lo i ó.

3. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 24 và i u 26.

4. Trường khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n chia s l i nhu n ho c tài s n c a Công ty s không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

Điều 23. Triệt phá hình thức công, chương trình hợp, và thông báo hợp hình thức công

1. Hình thức quản trị triệt phá hình thức công, hoặc hình thức công triệt phá theo các trường hợp quy định tại Điều 19.4b hoặc Điều 19.4c.
2. Người triệt phá hình thức công phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các công việc liên quan tham gia và biểu quyết triệt phá hình thức công trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành triệt phá hình thức công; chương trình hợp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm thực hiện;
 - c. Thông báo và gửi thông báo hợp hình thức công cho tất cả các công nhân viên.
3. Thông báo hợp hình thức công phải bao gồm chương trình hợp và các thông tin liên quan về các vấn đề cơ bản và biểu quyết triệt phá hình thức công. Việc các công nhân viên thực hiện việc ký phiếu, thông báo hợp hình thức công có thể thực hiện tại chỗ, hoặc thông báo trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương của Công ty đóng dấu chính. Việc các công nhân viên thực hiện việc ký phiếu, thông báo hợp hình thức công có thể thực hiện cho công nhân cách chuyển tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bỏ phiếu kín hoặc ký các công, hoặc thực hiện do công nhân cung cấp phiếu về việc gửi thông tin. Trường hợp công nhân thông báo cho Công ty bằng văn bản về fax hoặc địa chỉ internet, thông báo hợp hình thức công có thể thực hiện qua fax hoặc địa chỉ internet. Trường hợp công nhân làm việc trong Công ty, thông báo có thể thực hiện trong phong bì dán kín gửi tay trực tiếp làm việc. Thông báo hợp hình thức công phải thực hiện ít nhất mười lăm ngày trước ngày hợp hình thức công, (tính từ ngày mà thông báo gửi hoặc chuyển địa chỉ thực hiện, trừ các phí hoặc chi phí vào hôm thực hiện). Trường hợp Công ty có website, thông báo hợp hình thức công phải thực hiện trên website của Công ty ngay từ việc gửi thông báo cho các công nhân viên.
4. Công nhân nhóm công nhân chấp hành Điều 17.3 của Điều này có quyền xuất các vấn đề vào chương trình hợp hình thức công. Quyền thực hiện làm bằng văn bản và phiếu gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc hình thức công. Quyền thực hiện bao gồm họ và tên công nhân, số lượng và loại phần mềm liên quan, và nội dung yêu cầu vào chương trình hợp.
5. Người triệt phá hợp hình thức công có quyền thực hiện những xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 23 trong các trường hợp sau:
 - a. Xuất phiếu không ủng hộ hình thức công, không ủng hộ nội dung;
 - b. Vào thời điểm xuất, công nhân nhóm công nhân không có ít nhất 5% phiếu thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c. Văn bản xuất không thu được phần trăm quy định của hình thức công bàn bạc và thông qua.

d. Các trường hợp khác.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đề nghị quy tắc cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả các thành viên đi đủ 100% số thành viên có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đi đủ số quyền biểu quyết của hội đồng, nhưng quy tắc của hội đồng nhất trí thông qua được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp vì các lý do pháp lý hội đồng không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 24. Các điều kiện tiến hành họp hội đồng

1. Hội đồng chỉ tiến hành khi có số thành viên đi đủ ít nhất 65% số thành viên có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có số lượng biểu quyết nhất định trong vòng ba mươi phút kể từ khi bắt đầu khai mạc hội họp, hội đồng phải tiếp tục họp trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày diễn ra cuộc họp của hội đồng lần thứ nhất. Hội đồng tiếp tục họp tiếp theo chỉ tiến hành khi có thành viên tham dự là các thành viên và những thành viên đi đủ số quyền biểu quyết cho ít nhất 51% số thành viên có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp hội đồng lần thứ hai không tiến hành do không có số biểu quyết nhất định trong vòng ba mươi phút kể từ khi bắt đầu khai mạc hội họp, hội đồng lần thứ ba có thể tiếp tục họp trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày diễn ra lần hành hội họp lần hai, và trong trường hợp này hội đồng chỉ tiến hành không phụ thuộc vào số lượng thành viên hay những thành viên tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà hội đồng lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo nghị quyết của hội đồng có quyền thay đổi chương trình họp đã công bố kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 23.3 của Điều lệ này.

Điều 25. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại hội đồng

1. Vào ngày tổ chức hội họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký của thành viên và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các thành viên có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp.
2. Khi tiến hành đăng ký của thành viên, Công ty sẽ phải cho từng thành viên hoặc đi đủ số quyền biểu quyết có quyền biểu quyết mặt tại cuộc họp, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của thành viên, họ và tên của thành viên đi đủ số quyền biểu quyết của thành viên đó. Khi tiến hành biểu quyết tại hội họp, sẽ thực hiện quy tắc thu trước, sẽ thực hiện nghị quyết thu sau, cùng một số phiếu tán thành hay phản đối quyết định. Từng số phiếu đồng ý, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tịch thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết về vấn đề đó. Hội đồng sẽ thực hiện trong số biểu quyết những người chịu trách nhiệm kiểm tra phiếu hoặc giám sát kiểm tra phiếu và nếu hội đồng không chọn thì Chủ tịch sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm tra phiếu không quá ba người.

3. Công nhân di hì ng c ông mu n có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t ngay t i i h i. Ch to không có trách nhi m đ ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã ti n hành tr c khi c ông n mu n tham đ s không b nh h ng.
4. i h i ng c ông s do Ch t ch H i ng qu n tr ch trì, tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t thì Phó Ch t ch H i ng qu n tr ho c là ng i c i h i ng c ông b u ra s ch trì. Tr ng h p không ai trong s h có th ch trì i h i, thành viên H i ng qu n tr ch c v cao nh t có m t s t ch c h p b u ra Ch t a c a i h i ng c ông, Ch t a không nh t thì t ph i là thành viên H i ng qu n tr. Ch t ch, Phó Ch t ch ho c Ch t a c i h i ng c ông b u ra c m t th ký l p biên b n i h i. Tr ng h p b u Ch t a, tên Ch t a c c và s phi u b u cho Ch t a ph i c công b .
5. Quy t nh c a Ch to v trình t , th t c ho c các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng c ông s mang tính phán quy t cao nh t.
6. Ch to i h i ng c ông có th hoãn h p i h i ngay c trong tr ng h p ã có s i bi u c n thi t n m t th i i m khác và t i m t a i m do ch to quy t nh mà không c n l y ý ki n c a i h i n u nh n th y r ng
 - a. Các thành viên tham đ không th có ch ng i thu n ti n a i m t ch c i h i;
 - b. Hành vi c a nh ng ng i có m t làm m t tr t t ho c có kh n ng làm m t tr t t c a cu c h p ho c
 - c. S trì hoãn là c n thi t các công vi c c a i h i c ti n hành m t cách h p l .
 - d. Ngoài ra, Ch to i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng c ông ã có s l ng i bi u đ h p c n thi t. Th i gian hoãn t i a không quá ba ngày k t ngày đ nh khai m c i h i. i h i h p l i s ch xem xét các công vi c l ra ã c gi i quy t h p pháp t i i h i b trì hoãn tr c ó.
7. Tr ng h p ch t a hoãn ho c t m đ ng i h i ng c ông trái v i quy nh t i Kho n 6 i u 25, i h i ng c ông b u m t ng i khác trong s nh ng thành viên tham đ thay th ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc và hi u l c các bi u quy t t i cu c h p ó không b nh h ng.
8. Ch to c a i h i ho c Th ký i h i có th ti n hành các ho t ng mà h th y c n thi t i u khi n i h i ng c ông m t cách h p l và có tr t t ; ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s tham đ .
9. H i ng qu n tr có th yêu c u các c ông ho c i di n c u quy n tham đ i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ng qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có c ông ho c i di n c u quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nói trên, H i ng qu n tr sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i ho c tr c xu t c ông ho c i di n nói trên tham gia i h i.
10. H i ng qu n tr, sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th ti n hành các bi n pháp c H i ng qu n tr cho là thích h p :

- a. i u ch nh s ng i có m t t i a i m chính h p i h i ng c ô ng;
- b. B o m an toàn cho m i ng i có m t t i a i m ó;
- c. T o i u ki n cho c ô ng tham d (ho c ti p t c tham d) i h i.

H i ng qu n tr có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp n u H i ng qu n tr th y c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

11. Trong tr ng h p t i i h i ng c ô ng có áp d ng các bi n pháp nói trên, H i ng qu n tr khi xác nh a i m i h i có th :

- a. Thông báo r ng i h i s c ti n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch to i h i s có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”);
- b. B trí, t ch c nh ng c ô ng ho c i đi n c u quy n không d h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i;

Thông báo v vi c t ch c i h i không c n nêu chi ti t nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.

12. Trong i u l này (tr khi hoàn c nh yêu c u khác), m i c ô ng s c coi là tham gia i h i a i m chính c a i h i.

Hàng n m Công ty ph i t ch c i h i ng c ô ng ít nh t m t l n. i h i ng c ô ng th ng niên không c t ch c d i hình th c l y ý ki n b ng v n b n.

i u 26. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ô ng

1. i h i ng c ô ng thông qua các quy t nh thu c th m quy n b ng hình th c bi u quy t t i cu c h p ho c l y ý ki n b ng v n b n.
2. Tr tr ng h p quy nh t i Kho n 3 và Kho n 4 c a i u 26, các quy t nh c a i h i ng c ô ng v các v n sau ây s c thông qua khi có t 65% tr lên t ng s phi u b u c a các c ô ng có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i đi n c y quy n có m t t i i h i ng c ô ng.
 - a. Thông qua báo cáo tài chính hàng n m;
 - b. K ho ch phát tri n ng n và dài h n c a Công ty
 - c. B u, bãi mi n và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát và phê chu n vi c H i ng qu n tr b nhi m Giám c i u hành.
3. Các quy t nh c a i h i ng c ô ng liên quan n vi c s a i và b sung i u l , lo i c phi u và s l ng c phi u c chào bán, sáp nh p, tái t ch c và gi i th Công ty, giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua do công ty ho c các chi nhánh th c hi n có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty tính theo s sách k toán ã c ki m toán g n nh t s ch c thông qua khi có t 75% tr lên t ng s phi u b u các c ô ng có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i đi n c u quy n có m t t i i h i ng c ô ng.

4. Trường hợp thông qua quy định hình thức ủy quyền bằng văn bản thì quy định của Hội đồng công thông qua trước sự đồng ý của ít nhất 75% thành viên ủy quyền chấp thuận. Trường hợp ủy quyền công bằng văn bản thông qua quy định của Hội đồng công thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật này.

Điều 27. Trường hợp ủy quyền và thẩm quyền ủy quyền công bằng văn bản thông qua quy định của Hội đồng công

Trường hợp ủy quyền và thẩm quyền ủy quyền công bằng văn bản thông qua quy định của Hội đồng công thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền công bằng văn bản thông qua quy định của Hội đồng công quy định tại **Khoản 2 Điều 20 Luật này** bắt đầu từ thời điểm nào sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân là cá nhân; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cá nhân hoặc địa điểm theo quy định của cá nhân là tổ chức; số đăng ký phần vốn góp và số phiếu bầu quy định của cá nhân;
 - d. Văn bản ủy quyền thông qua quy định;
 - e. Phương án bầu quy định bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Hình phạt đối với Công ty ủy quyền đã xử lý;
 - g. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Ủy quyền đã xử lý phải có chữ ký của cá nhân là cá nhân, cá nhân đại diện theo quy định hoặc người đại diện theo pháp luật của cá nhân là tổ chức.
Ủy quyền ủy quyền đối với Công ty phải có chữ ký trong phong bì dán kín và không ai được mở trước khi ký phiếu. Các ủy quyền đối với Công ty sau đây thì không cần xác nhận nội dung ủy quyền hoặc thẩm quyền không hợp lệ;
 5. Hội đồng quản trị ký phiếu và lập biên bản ký phiếu để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát hoặc cá nhân không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản ký phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lý giải thông qua quy trình;
- c. Số công việc tiếp nhận phi thuế quy trình đã tham gia biểu thuế quy trình, trong đó phân biệt số phi thuế quy trình hợp lệ và số biểu thuế quy trình không hợp lệ, kèm theo phôi danh sách công việc tham gia biểu thuế quy trình;
- d. Tiếp nhận phi thuế tán thành, không tán thành và không có ý kiến về việc tiếp nhận vấn đề;
- e. Các quy trình đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đi điền theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm tra phi thuế.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm tra phi thuế liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm tra phi thuế; liên đới chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quy trình đã được thông qua do kiểm tra phi thuế không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm tra kiểm tra phi thuế phải được gửi đến các công việc trong thời hạn vòng làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra phi thuế;
7. Phiếu lý giải kiến nghị của trưởng bộ phận, biên bản kiểm tra phi thuế, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lý giải của người đi tiếp nhận chính của Công ty;
8. Quy trình đã được thông qua theo hình thức lý giải kiến nghị công việc bằng văn bản có giá trị như quy trình đã được thông qua trực tiếp về việc tiếp nhận công việc.

Điều 28. Biên bản họp Hội đồng

Người chủ trì Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Hội đồng và gửi cho tất cả các công việc trong vòng 15 ngày kể từ khi Hội đồng kết thúc. Biên bản họp Hội đồng được coi là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã tiến hành từ việc Hội đồng triển khai có ý kiến phản đối về nội dung biên bản của ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng làm việc kể từ khi gửi biên bản. Biên bản họp của bộ phận trưởng Văn phòng, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng và Thủ ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tài liệu này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các công việc đã họp và văn bản quy định tham dự phiếu lưu giữ tiếp nhận chính của Công ty.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ quy trình của Hội đồng

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Hội đồng công việc hoặc biên bản kiểm tra kiểm tra phi thuế lý giải kiến nghị Hội đồng công việc, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quy trình của Hội đồng công việc trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triển khai thực hiện phi thuế công việc không thể hiện đúng theo quy định của Luật này và nội dung công việc;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc nội bộ công ty.

CHƯƠNG VIII

HỘI NGŨ QUẢN TRỊ

Điều 30. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị của một “tổ chức kinh doanh khác” nếu sản phẩm hoặc dịch vụ của “tổ chức kinh doanh khác” này giống hoặc thay thế cho sản phẩm dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh, cung cấp. Thành viên của Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý của Công ty;
 - c. Có sức khỏe, có phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp; Tự nguyện công bố trung thực và thẳng thắn xuyên suốt vòng đời kinh doanh của mình cho hội đồng quản trị. Lý lịch kinh doanh bao gồm lý lịch cá nhân, các vấn đề ngành nghề kinh doanh do cá nhân mình hoặc “người liên quan” có quyền sử dụng hoặc tham gia quản lý; và
 - d. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
 - e. Có ít nhất 15 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực mà Công ty kinh doanh hoặc các lĩnh vực có liên quan; và
 - f. Là công dân Việt Nam ít nhất 0,5% số thành phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - g. Là cá nhân được mời hoặc nhóm công dân trên 5% thành phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng trước khi được bầu. Phiếu bầu theo mẫu của Công ty ban hành, trong phiếu bầu nhóm công dân bầu thì nhóm công dân này phải lập mặt phiếu bầu có ý kiến ký của các công dân trong nhóm. Cá nhân được bầu phải đảm bảo hội đồng quản trị ít nhất 05 thành viên.
2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị được bầu không quá nửa số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Số thành viên của Hội đồng quản trị do các công dân sáng lập được theo tỷ lệ số thành phần của từng công dân sáng lập. Các công dân sáng lập được quyền gộp tỷ lệ số thành phần vào với nhau để bầu phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị.
4. Các công dân nắm giữ ít nhất 5% số thành phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để bầu các thành viên Hội đồng quản trị. Công dân hoặc nhóm công dân nắm giữ

n d i 10% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng c c m t thành viên; t 10% n d i 30% c c hai thành viên; t 30% n d i 50% c c ba thành viên; t 50% n d i 65% c c b n thành viên và n u t 65% tr lên c c s ng viên.

5. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo m t c ch do Công ty quy nh. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi t n hành c
6. Thành viên H i ng qu n tr s không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:
 - a. Thành viên ó không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh t i i u 110 c a Lu t Doanh nghi p và quy nh t i i u 30.1 c a i u l này ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;
 - b. Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;
 - c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
 - d. Thành viên ó v ng m t không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr liên t c trong vòng sáu tháng, và trong th i gian này H i ng qu n tr không cho phép thành viên ó v ng m t và ã phán quy t r ng ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - e. Thành viên ó b cách ch c thành viên H i ng qu n tr theo quy t nh c a i h i ng c ông.
7. H i ng qu n tr có th b nhi m thành viên H i ng qu n tr m i thay th ch tr ng phát sinh và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ng c ông ngay t i p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông ch p thu n, vi c b nhi m thành viên m i ó s c coi là có hi u l c vào ngày c H i ng qu n tr b nhi m.
8. Vi c b nhi m các thành viên H i ng qu n tr ph i c thông báo theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

i u 31. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr

1. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s qu n lý ho c ch o th c hi n c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr là c quan có y quy n h n th c hi n t t c các quy n nhân danh Công ty tr nh ng th m quy n thu c v i h i ng c ông.
2. H i ng qu n tr có trách nhi m giám sát Giám c i u hành và các cán b qu n lý khác.
3. Quy n và ngh a v c a H i ng qu n tr do lu t pháp, i u l , các quy ch n i b c a Công ty và quy t nh c a i h i ng c ông quy nh. C th , H i ng qu n tr có nh ng quy n h n và nhi m v sau:

- a. Quy định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hàng năm trên cơ sở các mục tiêu chiến lược dài hạn công ty thông qua;
 - c. Nhiệm vụ và bổn phận các cán bộ quản lý Công ty theo nghị quyết của Giám đốc điều hành và quy định nội bộ của công ty;
 - d. Quy định về cấu trúc của Công ty;
 - e. Giám định quy định các khiếu nại của Công ty và vị trí cán bộ quản lý công nghệ quy định nội bộ của Công ty giám định quy định các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý công nghệ cán bộ quản lý;
 - f. Xuất các loại chứng khoán có thể phát hành và tăng số chứng khoán phát hành theo từng loại;
 - g. Xuất vị trí phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành chứng khoán và các chương trình khuyến khích mua chứng khoán theo mức giá ưu đãi;
 - h. Quy định giá chào bán trái phiếu, chứng khoán và các chương trình khuyến khích;
 - i. Nhiệm vụ, bổn phận, cách thức Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý công nghệ giám định của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bổn phận nói trên không trái với các quy định theo hợp đồng mua bán bất kỳ (nếu có);
 - j. Xuất mức thuế hàng năm và xác định mức thuế thu nhập cá nhân; thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - k. Xuất vị trí tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty.
4. Nhiệm vụ sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng giám định của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng quản trị phê duyệt, Hội đồng quản trị tùy từng trường hợp quy định về việc thực hiện, sáp nhập và mua bán các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);
 - d. Chức vụ và bổn phận của Hội đồng quản trị Công ty và nhiệm vụ giám định và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thanh toán, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản nợ không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 01 (một) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản nợ vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;

- h. Việc nh giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành chứng phiu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mệnh giá chứng phiu;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nên phải có sự chấp thuận trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình;
 - k. Quy định mệnh giá mua hoặc thu hồi chứng phiu của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo tình hình công việc hoạt động của mình, có thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị với Giám đốc điều hành và nhân sự cấp quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho tình hình công việc, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ coi là không có giá trị và chức vụ của Hội đồng quản trị thông qua.
 6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cấp quản lý đi nhận lý công việc thay mặt cho Công ty.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đi nhận ủy quyền thay thế) có nghĩa vụ làm việc cho công việc của mình đi theo cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mệnh giá thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do tình hình công việc quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.
 8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải ghi chi tiết trong báo cáo tài chính niên của Công ty.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tổ chức của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao đi kèm nhiệm vụ công việc gắn theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc đi hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.
 10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc đi tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tổ chức của Hội đồng quản trị hoặc tình hình công việc.

Điều 32. Chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Tình hình công việc hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trường hợp tình hình công việc quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm từ tình hình công việc thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ trì hội đồng và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có nhiệm vụ quy định và trách nhiệm khác quy định tại Điều này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp Chủ tịch ủy quyền như quy định trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phi vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc một khi nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ như Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ như Phó Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc atas quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm mời Hội đồng quản trị ghi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty liên quan;
4. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chối hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bổ sung người thay thế trong thời hạn 90 ngày.

Điều 33. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người có nhiệm vụ thay thế cho thành viên đó) có thể chuyển thành thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người của Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi nhiệm người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các tài liệu ban đầu của Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và có quyền thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định anh ta là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới bất kỳ cách nào là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải ghi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên thay thế sẽ phải bắt đầu cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tồn tại cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại tái bổ nhiệm hoặc coi là đã tái bổ nhiệm trong cùng hội đồng công ty mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chuyển thành thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước khi hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó tái bổ nhiệm.
4. Việc chuyển hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải có thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5. Ngoài nh ng quy nh khác ã c nêu trong i u l này, thành viên thay th s c coi nh là thành viên H i ng qu n tr trên m i ph ng di n và ph i ch u trách nhi m cá nhân v hành vi và sai l m c a mình mà không c coi là ng i i di n th a hành s u quy n c a thành viên H i ng qu n tr ã ch nh mình.

i u 34. Các cu c h p c a H i ng qu n tr

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c ti n hành trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .
2. Các cu c h p th ng k . Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p các cu c h p H i ng qu n tr , l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t b y ngày tr c ngày h p d ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t , nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t l n.
3. Các cu c h p b t th ng. Ch t ch ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng d i ây ngh b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:
 - a. Giám c i u hành ho c ít nh t n m cán b qu n lý;
 - b. Hai thành viên H i ng qu n tr ;
 - c. Ch t ch H i ng qu n tr ;
 - d. a s thành viên Ban ki m soát.
4. Các cu c h p H i ng qu n tr nêu t i Kho n 3 i u 34 ph i c ti n hành trong th i h n m i l m ngày sau khi có xu t h p. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr không ch p nh n tri u t p h p theo ngh thì Ch t ch ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i Công ty; nh ng ng i ngh t ch c cu c h p c c p n Kho n 3 i u 34 có th t mình tri u t p h p H i ng qu n tr .
5. Tr ng h p có yêu c u c a ki m toán viên c l p, Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Công ty.
6. a i m h p. Các cu c h p H i ng qu n tr s c ti n hành a ch ã ng ký c a Công ty ho c nh ng a ch khác Vi t Nam ho c n c ngoài theo quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr và c s nh t trí c a H i ng qu n tr .
7. Thông báo và ch ng trình h p. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c g i tr c cho các thành viên H i ng qu n tr ít nh t n m ngày tr c khi t ch c h p, các thành viên H i ng có th t ch i thông báo m i h p b ng v n b n và vi c t ch i này có th có hi u l c h i t . Thông báo h p H i ng ph i c làm b ng v n b n ti ng Vi t và ph i thông báo y ch ng trình, th i gian, a i m h p, kèm theo nh ng tài li u c n thi t v nh ng v n s c bàn b c và bi u quy t t i cu c h p H i ng và các phi u b u cho nh ng thành viên H i ng không th d h p.

Thông báo miệng, giấy báo bằng văn bản, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị công ty ký tại Công ty.

8. Thành viên tham dự đại hội. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ có thể tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần trăm thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua điện thoại.
9. Bị từ chối.
 - a. Từ chối nhậm chức theo khoản 9b điều 34, mà thành viên Hội đồng quản trị hoặc người cử ra người quản trị có mặt với các cá nhân từ cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt phải bị từ chối;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không chấp hành quy định các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Mọi thành viên Hội đồng quản trị không tính vào số người bị từ chối đại hội có mặt có thể chấp nhận cuộc họp Hội đồng quản trị và những quy định mà thành viên đó không có quyền bị từ chối;
 - c. Theo quy định tại khoản 9d điều 34, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến một lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền bị từ chối một thành viên mà những vấn đề đó không liên quan gì tới quy định bắt buộc nguyên tắc quyền bị từ chối của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ chuyển tiếp tới cuộc họp và phân quyết của các tổ liên quan tới các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chặt chẽ công bố một cách thích đáng;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không liên quan tới quy định tại điều 40.4a và điều 40.4b của nội quy này sẽ coi là có lợi ích đáng kể trong họp đại hội.
10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc liên quan tới một hợp đồng hoặc giao dịch nào đó ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quy định đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Mọi thành viên này có thể công khai điều đó từ cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Bị từ chối của Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phần trăm ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Hợp trên những nội dung hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tiến hành theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đồng ý những điều kiện khác nhau với điều kiện là mọi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe t ng thành viên H i ng qu n tr khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p;
- b. N u mu n, ng i ó có th phát bi u v i t t c các thành viên tham d khác m t cách ng th i.

Vi c trao i gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c ti p qua i n tho i ho c b ng ph ng ti n liên l c thông tin khác (k c vi c s d ng ph ng ti n này đi n ra vào th i i m thông qua i u l hay sau này) ho c là k t h p t t c nh ng ph ng th c này. Theo i u l này, thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà nhóm thành viên H i ng qu n tr ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h p hi n đi n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và t i n hành m t cách h p th c s có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

13. Ngh quy t b ng v n b n. Ngh quy t b ng v n b n ph i có ch ký c a t t c nh ng thành viên H i ng qu n tr sau ây:

- a. Thành viên có quy n bi u quy t v ngh quy t t i cu c h p H i ng qu n tr;
- b. S l ng thành viên có m t không th p h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh t i n hành h p H i ng qu n tr.

Ngh quy t lo i này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c các thành viên H i ng qu n tr thông qua t i m t cu c h p c tri u t p và t ch c theo thông l . Ngh quy t có th c thông qua b ng cách s d ng nhi u b n sao c a cùng m t v n b n n u m i b n sao ó có ít nh t m t ch ký c a thành viên.

14. Biên b n h p H i ng qu n tr. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và nh ng biên b n ó s ph i c xem nh nh ng b ng ch ng xác th c v công vi c ã c t i n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i ngày k t khi chuy n i. Biên b n h p H i ng qu n tr c l p b ng ti ng Vi t và ph i có ch ký c a t t c các thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p.

15. Các ti u ban c a H i ng qu n tr. H i ng qu n tr có th thành l p và u quy n hành ng cho các ti u ban tr c thu c. Thành viên c a ti u ban có th g m m t ho c nhi u thành viên c a H i ng qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t nh c a H i ng qu n tr. Trong quá trình th c hi n quy n h n c u thác, các ti u ban ph i tuân th các quy nh mà H i ng qu n tr ra. Các quy nh này có th i u ch nh ho c cho phép k t n p thêm nh ng ng i không ph i là thành viên H i ng qu n tr vào các ti u ban nêu trên và cho phép ng i ó c quy n bi u quy t v i t cách thành viên c a ti u ban nh ng

- a. Ph i m b o s l ng thành viên bên ngoài ít h n m t n a t ng s thành viên c a ti u ban và
- b. Ngh quy t c a các ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t t i phiên h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tập thể ban chấp hành Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tập thể ban chấp hành Hội đồng quản trị sẽ coi là có giá trị pháp lý kể trong trường hợp vì vậy, chỉ những thành viên của tập thể ban chấp hành Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG IX

GIÁM ĐỐC HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỰC KÝ CÔNG TY

Điều 35. Tổ chức máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nhiệm vụ lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc điều hành hoặc một Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc điều hành và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bổ nhiệm thực quyền quy định thông qua một cách hợp pháp.

Điều 36. Cán bộ quản lý

1. Theo yêu cầu của Giám đốc điều hành và các thành viên của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết cho phù hợp với các yêu cầu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị xuất phát từ những nhiệm vụ. Cán bộ quản lý phải có sự sẵn sàng cần thiết các hoạt động và tổ chức của Công ty theo các mục tiêu đề ra.
2. Mục tiêu, tín nhiệm lao động, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quy định và hợp đồng của nhân viên các cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quy định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhậm chức và quy định của Giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mục tiêu, tín nhiệm, lợi ích và các điều kiện khác liên quan đến vị trí này. Thông tin về mục tiêu, trách nhiệm, quyền lực của Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong những báo cáo công khai hàng năm và được nêu trong báo cáo hàng năm của Công ty.
2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 32 của Điều lệ này, Giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là ba năm và có thể được tái bổ nhiệm. Vị trí bổ nhiệm có thể hết hạn trước khi vào các quy định về hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không được phép làm những công việc pháp luật cấm gì khác vì vậy, tức là những công việc của thành viên, người không được làm hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên của

lĩnh vực, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là làm cho công ty mà họ đang lãnh đạo trở nên phá sản.

3. Quy định và nhiệm vụ. Giám đốc điều hành có những quy định và trách nhiệm sau:
 - a. Thể hiện các quy định của Hội đồng quản trị và điều hành công ty, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Công ty trước Hội đồng quản trị và điều hành công ty thông qua;
 - b. Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại của Công ty theo những thông lệ quản lý thông thường;
 - c. Kiểm soát lĩnh vực và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động kinh doanh các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị xuất, và tận dụng Hội đồng quản trị quy định về lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quy định về lương, thù lao, lương, mức lương, trợ cấp, lợi ích, phúc lợi, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp kế hoạch tài chính năm nay.
 - f. Thể hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm của điều hành công ty và Hội đồng quản trị thông qua;
 - g. Xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h.** Chọn các bộ phận toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bộ phận toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bộ phận toán hàng năm (bao gồm các bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho từng năm tài chính sẽ trình Hội đồng quản trị thông qua và phê duyệt những thông tin quy định về các quy định của Công ty;
 - i. Thể hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của điều lệ này và các quy định của Công ty, các quy định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và điều hành công ty về việc thể hiện nhiệm vụ và quy định của giao và phê duyệt báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.
5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi có hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm mới Giám đốc điều hành mới thay thế. Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản biện về việc bãi nhiệm này tại điều hành công ty tiếp theo gần nhất.

Điểm 38. Trách nhiệm Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định làm Thủ ký Công ty vì nhiệm vụ và nhiệm vụ của họ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm mới hay nhiệm vụ Tr lý Thủ ký Công ty theo yêu cầu nhiệm vụ. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ định công việc theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tập hợp và trình bày các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thủ ký Công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và nội bộ công ty.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điểm 39. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hành và cán bộ quản lý đều có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể như nhiệm vụ với cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì lợi ích của công nhân mà mình đang làm việc. Họ có thể có nhiệm vụ trí tuệ riêng và trong hoàn cảnh nhất định.

Điểm 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; ngược lại không được sử dụng những thông tin có liên quan đến công việc của mình để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể nhận được thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những điều nêu trên chỉ áp dụng cho những cơ hội có thể xảy ra khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quy định không truy cập vào nội dung này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ.

pháp nhân mà nh ng ng i này có các l i ích tài chính, tr khi i h i ng c ông có quy t nh khác.

4. H p ng ho c giao d ch gi a Công ty v i m t ho c nhi u thành viên H i ng qu n tr , Giám c i u hành, cán b qu n lý, ho c nh ng ng i liên quan n h ho c công ty, i tác, hi p h i, ho c t ch c mà m t ho c nhi u thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý ho c nh ng ng i liên quan n h là thành viên, ho c có liên quan l i ích tài chính, s không b vô hi u hoá vì nh ng m i quan h v a nêu, ho c vì thành viên H i ng qu n tr ó ho c cán b qu n lý ó có m t ho c tham gia vào cu c h p liên quan ho c vào H i ng qu n tr hay t i u ban ã cho phép th c hi n h p ng ho c giao d ch, ho c vì nh ng phi u b u c a h c ng c tính khi bi u quy t v m c ích ó, n u:
 - a. i v i h p ng có giá tr t d i 20% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch c ng nh các m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i ng qu n tr ã c báo cáo cho H i ng qu n tr ho c t i u ban liên quan. ng th i, H i ng qu n tr ho c t i u ban ó ã cho phép th c hi n h p ng ho c giao d ch ó m t cách trung th c b ng a s phi u tán thành c a nh ng thành viên H i ng không có l i ích liên quan; ho c
 - b. i v i nh ng h p ng có giá tr l n h n 20% c a t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch này c ng nh m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i ng qu n tr ã c công b cho các c ông không có l i ích liên quan có quy n bi u quy t v v n ó, và nh ng c ông ó ã b phi u tán thành h p ng ho c giao d ch này;
 - c. H p ng ho c giao d ch ó c m t t ch c t v n c l p cho là công b ng và h p lý xét trên m i ph ng di n liên quan n các c ông c a Công ty vào th i i m giao d ch ho c h p ng này c H i ng qu n tr ho c m t t i u ban tr c thu c H i ng qu n tr hay các c ông cho phép th c hi n, thông qua ho c phê chu n.

Thành viên H i ng qu n tr , Giám c i u hành, cán b qu n lý hay ng i có liên quan c a h không c phép mua hay bán ho c giao d ch theo b t c hình th c nào khác các c phi u c a Công ty ho c công ty con c a Công ty vào th i i m h có c nh ng thông tin ch c ch n s gây nh h ng n giá c a nh ng c phi u ó và các c ông khác l i không bi t nh ng thông tin này.

i u 41. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng

1. Trách nhi m v thi t h i. Thành viên H i ng qu n tr , Giám c và cán b qu n lý vi ph m ngh a v hành ng m t cách trung th c, không hoàn thành ngh a v c a mình v i s c n tr ng, m n cán và n ng l c chuyên môn s ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i do hành vi vi ph m c a mình gây ra.
2. B i th ng. Công ty s b i th ng cho nh ng ng i ã, ang và có nguy c tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, ki n, kh i t ã, ang ho c có th s c t i n hành cho dù ây là v vi c dân s , hành chính (mà không ph i là vi c ki n

t ng do Công ty th c hi n hay thu c quy n kh i x ng c a Công ty) n u ng i ó ã ho c ang là thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý, nhân viên ho c là i đi n c Công ty (hay công ty con c a Công ty) u quy n, ho c ng i ó ã ho c ang làm theo yêu c u c a Công ty (hay công ty con c a Công ty) v i t cách thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý, nhân viên ho c i đi n c u quy n c a m t công ty, i tác, liên doanh, tín thác ho c pháp nhân khác. Nh ng chi phí c b i th ng bao g m: các chi phí phát sinh (k c phí thuê lu t s), chi phí phán quy t, các kho n t i n ph t, các kho n ph i thanh toán phát sinh trong th c t ho c c coi là m c h p lý khi gi i quy t nh ng v i c này trong khuôn kh lu t pháp cho phép, v i i u ki n là ng i ó ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán và v i n ng l c chuyên môn theo ph ng th c mà ng i ó tin t ng r ng ó là vì l i ích ho c không ch ng l i l i ích cao nh t c a Công ty, trên c s tuân th lu t pháp và không có s phát hi n hay xác nh n nào r ng ng i ó ã vi ph m nh ng trách nhi m c a mình. Công ty có quy n mua b o hi m cho nh ng ng i ó tránh nh ng trách nhi m b i th ng nêu trên.

CH NG XI BAN KI M SOÁT

i u 42. Thành viên Ban ki m soát

1. Tiêu chu n thành viên Ban ki m soát:

- Thành viên c a Ban Ki m soát ph i là cá nhân c m t ho c m t nhóm c ông quy nh t i Kho n 3 i u 42 i u l này c b ng m t phi u c theo m u c a Công ty và có ch ký c a t t c c ông trong nhóm c .
- Tr ng Ban ki m soát ph i là c ông c a Công ty và có trình t i h c ho c t ng ng i h c tr lên và s h u t i thi u 1.000 c ph n.
- Thành viên Ban Ki m soát ph i là ng i am hi u nghi p v kinh doanh c a Công ty.

2. S l ng thành viên ban ki m soát là 03 (ba) thành viên. Trong Ban ki m soát ph i có ít nh t m t thành viên là ng i có chuyên môn v công tác tài chính, k toán. Thành viên này không ph i là nhân viên n m trong b ph n k toán, tài chính c a Công ty và không ph i là thành viên hay nhân viên c a công ty ki m toán c l p ang th c hi n vi c ki m toán các báo cáo tài chính c a Công ty. Ban ki m soát ph i ch nh m t thành viên là c ông c a Công ty làm Tr ng ban. Tr ng ban ki m soát có các quy n và trách nhi m sau:

- a. Tri u t p cu c h p Ban ki m soát và ho t ng v i t cách là Tr ng ban ki m soát;
- b. Yêu c u Công ty cung c p các thông tin liên quan báo cáo các thành viên c a Ban ki m soát;
- c. L p và ký báo cáo c a Ban ki m soát sau khi ã tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr trình lên i h i ng c ông.

3. Công nhân giảm ít hơn 10% số phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tiếp diễn vào và lẫn nhau của các thành viên vào Ban kiểm soát. Công nhân nhóm công nhân giảm ít hơn 10% số phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của một thành viên; từ 10% đến 30% của hai thành viên; từ 30% đến 50% của ba thành viên; từ 50% đến 65% của bốn thành viên và từ 65% trở lên của các thành viên.
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do việc hình thành công bố nhiệm vụ, nhiệm vụ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bị loại trừ nếu nhiệm vụ không hoàn thành.
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn các cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên có bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên có bị cấm công bố thông tin công bố cá nhân chính cho Công ty;
 - c. Thành viên có bị mất tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng minh rằng họ không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên có vắng mặt và đã phân quyền cho các thành viên khác này bầu thay thế;
 - e. Thành viên có bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 43. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Xuất lập các báo cáo công ty kiểm toán độc lập, các phí kiểm toán và mức liên quan của rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thờ luận về việc kiểm toán viên độc lập về tính chính xác và phạm vi kiểm toán trừ khi bị từ chối việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến từ các chuyên gia độc lập hoặc từ các pháp lý và mời họ tham gia các buổi họp chuyên gia bên ngoài Công ty về kinh nghiệm trình chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trừ khi trình Hội đồng quản trị;
 - e. Thờ luận về những vấn đề khó khăn và tiến trình phát hiện các kết quả kiểm toán giả mạo hoặc các sai sót kỹ thuật mà kiểm toán viên độc lập nêu ra;
 - f. Xem xét thực tiễn của việc kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

- g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hình thức kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
- h. Xem xét những kết quả kiểm tra nội bộ và ý kiến phản ánh của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan liên quan đến Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thủ ký Công ty phải báo cáo toàn bộ bản sao chép các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sao chép cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải mời tối thiểu hai thành viên và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người.
4. Tổng mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát sẽ không vượt quá 40 triệu đồng Việt Nam mỗi năm. Mức thù lao có thể cao hơn theo quy định của Hội đồng công. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:
- a. Tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty, quy định của Hội đồng công và các nghị quyết trong thời gian quy định và nhiệm vụ được giao.
- b. Thời gian các quy định được giao một cách trung thực, công bằng, trung thực và minh bạch lợi ích hợp pháp của Công ty và công lợi của Công ty.
- c. Trung thành lợi ích của Công ty và công lợi Công ty, không tiết lộ thông tin, bí quyết kinh doanh của Công ty, lợi nhuận, chi phí tài sản của Công ty cho người khác hoặc lợi ích cá nhân khác.
- d. Tránh hành vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điều a, b, c, khoản 5 điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điều 5 điều này sẽ thuộc về Công ty.
- e. Tránh hành vi phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thời gian quy định và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có ghi chép pháp lý ngay lập tức.

CHƯƠNG XII

QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quy định về sách và hồ sơ

1. Công ty hoặc nhóm công ty trong Điều 30.4 và Điều 42.3 của Điều này có quy định chi tiết hồ sơ qua luật sư hoặc người của quy định, gửi văn bản yêu cầu kiểm tra trong giấy làm việc và tài liệu kinh doanh chính của Công ty danh sách công, các biên bản của hội đồng và sao chụp hồ sơ trích lệ các hồ sơ. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đi nhận hoặc đi nhận của quy định khác của công ty kèm theo giấy quy định của công ty mà người đi nhận hoặc mặt bên sao công chứng của giấy quy định này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quy định kiểm tra sổ ký công của Công ty, danh sách công và sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mối liên quan tích cực về của mình về điều kiện các thông tin này phải công bố.
3. Công ty sẽ phải điều chỉnh và những bản sửa đổi bổ sung điều chỉnh, Giấy chứng nhận ký kinh doanh, các quy định, các tài liệu chứng minh quy định hồ sơ tài sản, biên bản họp hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc mặt bên khác về điều kiện là các công ty và các quan hệ ký kinh doanh sẽ thông báo và phải lưu trữ các giấy tờ này.
4. Công ty có quy định của Công ty công bố mặt bên điều chỉnh công ty miễn phí. Công ty có website riêng, điều chỉnh này phải công bố trên website.

CHƯƠNG XIII

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG NHÂN VIÊN NAM, CÔNG NHÂN VIÊN THANH NIÊN CÔNG NHÂN HỒ CHÍ MINH, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC VÀ CÔNG NHÂN VIÊN TRONG DOANH NGHIỆP

Điều 45. Tổ chức Công nhân Viên Nam, Công nhân Thanh Niên Công nhân Hồ Chí Minh và Tổ chức chính trị Xã hội khác, Công nhân viên và Công nhân

1. Tổ chức Công nhân Viên Nam, Công nhân Thanh Niên Công nhân Hồ Chí Minh và Tổ chức chính trị Xã hội khác.

Tổ chức Công nhân Viên Nam, Công nhân Thanh niên Công nhân Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội khác trong doanh nghiệp có quy định theo Hiến pháp, Pháp luật và phù hợp với các quy định của Điều. Công ty Công nhân Xây dựng 565 tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động.

2. Công nhân viên và Công đoàn

Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch Hiring quản trị thông qua các văn liên quan nhân viên tuyển dụng, lao động, bu c thôi vi c, l ợng b ợng, b o hi m xã h ị, phúc l ị, khen th ợng và k lu t ị v i cán b ộ qu n lý và ng ị lao ợng c ng nh nh ng m i quan h ệ a Công ty v i các t ờ c công ợn c công nh n theo các chu n m c, thông l ị và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l ị và chính sách quy nh t ị i u l này, các quy ch ệ a Công ty và quy nh pháp lu t hi n hành.

CH ỢNG XIV PHÂN CHIA L ỢI NHU ỢN

Đ ị u 46. C ợ t c

1. Theo quy t ờnh c ợa i h ị ng c ợng và theo quy nh c ợa pháp lu t, c ợ t c s c công b ộ và chi tr ợ t l ị nhu n ợi l ị c ợa Công ty nh ng không c v ợ t quá m c do H ị ng qu n tr ợ xu t sau khi ã tham kh o ợ ý k i n c ợng t ị i h ị ng c ợng.
2. Theo quy nh c ợa Lu t Doanh nghi p, H ị ng qu n tr c ợ th quy t ờnh thanh toán c ợ t c ợi a k ợ n u xét th y vi c chi tr ợ này phù h p v i kh ợ n ng sinh l ị c ợa Công ty.
3. Công ty không tr ợ l ợi cho kho n t i n tr ợ c ợ t c hay kho n t i n chi tr ợ liên quan t ị m t lo ị c phi u.
4. H ị ng qu n tr c ợ th ngh ị h ị ng c ợng thông qua vi c thanh toán toàn b ộ h o c m t ph n c ợ t c b ợng nh ng tài s n c th (nh c phi u h o c trái phi u ã c thanh toán y do công ty khác phát hành) và H ị ng qu n tr là c quan th c thi ngh quy t này.
5. Tr ợng h p c ợ t c hay nh ng kho n t i n khác liên quan t ị m t lo ị c phi u c chi tr ợ b ợng t i n m t, Công ty s ợ phi chi tr ợ b ợng t i n ng Vi t Nam và c ợ th thanh toán b ợng s ợc h o c l nh tr ợ t i n ợi qua b u i n t i a ch ã ng ký c ợa c ợng th h ợng và tr ợng h p c ợ r i ro phát sinh (t ợa ch ã ng ký c ợa c ợng) thì c ợng ó phi ch u. Ngoài ra, các kho n t i n tr ợ c ợ t c h o c các kho n t i n khác c chi tr ợ b ợng t i n m t liên quan t ị m t lo ị c phi u c ợ th c chi tr ợ b ợng chuy n kho n ngân hàng khi Công ty ã c ợ thông tin chi t i t v ngân hàng c ợa c ợng nh m cho phép Công ty th c hi n c vi c chuy n kho n tr c t i p vào tài kho n ngân hàng c ợa c ợng. Tr ợng h p Công ty ã chuy n kho n theo úng các thông tin chi t i t v ngân hàng do c ợng cung c p mà c ợng ó không nh n c t i n, Công ty không phi ch u trách nhi m v kho n t i n Công ty chuy n cho c ợng th h ợng. Vi c thanh toán c ợ t c i v i các c phi u ni ợm y t t i S ợ Giao d ch Ch ợng kho ợn c ợ th c t i n hành thông qua công ty ch ợng kho ợn h o c Trung tâm L u ký.
6. Tr ợng h p c ợ s ợ ch p thu n c ợa i h ị ng c ợng, H ị ng qu n tr c ợ th quy t ờnh và thông báo r ng nh ng ng ị s h u c ph n ph thông c nh n c

t c b ng các c ph n ph thông thay cho c t c b ng t i n m t. Các c ph n b sung tr c t c này c ghi là nh ng c ph n ã thanh toán y t i n mua trên c s giá tr c a các c ph n tr c t c ph i t ng ng v i s t i n m t tr c t c.

7. C n c Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr có th thông qua ngh quy t quy nh m t ngày c th làm ngày khoá s ho t ng kinh doanh c a Công ty. C n c theo ngày ó, nh ng ng i ng ký v i t cách c ông ho c ng i s h u các ch ng khoán khác c quy n nh n c t c, lãi su t, phân chia l i nhu n, nh n c phi u, nh n thông báo ho c tài li u khác. Ngày khoá s này có th vào cùng ngày ho c vào th i i m tr c khi các quy n l i ó c th c hi n. i u này không nh h ng t i quy n l i c a hai bên trong giao d ch chuy n nh ng c phi u ho c ch ng khoán liên quan.

i u 47. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n

Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

CH NG XV TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN

i u 48. Tài kho n ngân hàng

1. Công ty s m tài kho n t i các ngân hàng Vi t Nam ho c t i các ngân hàng n c ngoài c phép ho t ng t i Vi t Nam.
2. Theo s ch p thu n tr c c a c quan có th m quy n, trong tr ng h p c n thi t, Công ty có th m tài kho n ngân hàng n c ngoài theo các quy nh c a pháp lu t.
3. Công ty s t i n hành t t c các kho n thanh toán và giao d ch k toán thông qua các tài kho n t i n Vi t Nam ho c ngo i t t i các ngân hàng mà Công ty m tài kho n.

i u 49. Qu d tr b sung v n i u l

Hàng n m, Công ty s ph i trích t l i nhu n sau thu c a mình m t kho n vào qu d tr b sung v n i u l theo quy nh c a pháp lu t. Kho n trích này không c v t quá 5% l i nhu n sau thu c a Công ty và c trích cho n khi qu d tr b ng 10% v n i u l c a Công ty.

i u 50. N m tài khóa

N m tài khóa c a Công ty b t u t ngày u tiên c a tháng M t hàng n m và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 cùng n m. N m tài chính u tiên b t u t ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 ngay sau ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh ó.

Điểm 51. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác của Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sử dụng hệ thống kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Nội dung hệ thống này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng tiếng Việt Nam làm ngôn ngữ chính trong kế toán.

CHƯƠNG XVI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điểm 52. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật về kế toán các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 của Luật này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc nhiệm kỳ tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán công bố thông tin qua cổng quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho năm thì lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối nhiệm kỳ tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được ghi rành rọt các công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba tuần tiếp theo. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giấy làm việc của Công ty, tài liệu chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chép.

Điểm 53. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVII

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điểm 54. Kiểm toán

1. Điều lệ công ty công khai nội dung nhiệm vụ của kiểm toán viên lập, hỗ trợ pháp lý Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những ưu tiên và ưu tiên thứ tự ưu tiên.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán viên lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán viên kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho bất kỳ các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán viên phải thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Mọi bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải gửi kèm với mỗi bản báo cáo kiểm toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp điều lệ công ty và các quy định khác các thông báo và các thông tin khác liên quan đến điều lệ công ty mà các công ty quy định và các phát biểu kỹ thuật điều lệ và các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVIII

CON ĐU

Điểm 55. Con đũa

1. Hội đồng quản trị sẽ quy định thông qua con đũa chính thức của Công ty và con đũa khác theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và quản lý con đũa theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX
CHẾ ĐỘ THO T NG VÀ THANH LÝ

Điều 56. Chế độ tho t ng

1. Công ty có thể b g i th h o c ch m d t ho t ng trong nh ng tr ng h p sau:
 - a. Khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty, k c sau khi ã gia h n;
 - b. Toà án tuyên b Công ty phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
 - c. Gi i th tr c th i h n theo quy t nh c a i h i ng c ông.
 - d. Các tr ng h p khác do pháp lu t quy nh.
2. Vì c gi i th Công ty tr c th i h n (k c th i h n ã gia h n) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th này ph i thông báo hay xin ch p thu n c a c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

Điều 57. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông

Tr khi i u l này có quy nh khác, các c ông n m gi m t n a s c phi u ang l u hành có quy n bi u quy t trong b u c thành viên H i ng qu n tr có quy n n khi u n i t i toà yêu c u gi i th theo m t hay m t s các c n c sau:

1. Các thành viên H i ng qu n tr không th ng nh t trong qu n lý các công vi c c a Công ty d n n tình tr ng không t c s phi u c n thi t theo quy nh H i ng qu n tr ho t ng.
2. Các c ông không th ng nh t nên không th t c s phi u c n thi t theo quy nh t i n hành b u thành viên H i ng qu n tr.
3. Có s b t ng trong n i b và hai h o c nhi u phe cánh c ông b chia r khi n cho vi c gi i th s là ph ng án có l i h n c cho toàn th c ông.

Điều 58. Gia h n ho t ng

1. H i ng qu n tr s trì u t p h p i h i ng c ông ít nh t b y tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c ông có th bi u quy t v vi c gia h n ho t ng c a Công ty thêm m t th i gian theo ngh c a H i ng qu n tr.
2. Th i h n ho t ng s c gia h n thêm khi có t 65% tr lên t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p h o c thông qua i di n c y quy n có m t t i i h i ng c ông thông qua.

Điều 59. Thanh lý

1. T i thi u sáu tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty h o c sau khi có m t quy t nh gi i th Công ty, H i ng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m ba thành viên. Hai thành viên do i h i ng c ông ch nh và m t thành viên do H i ng qu n tr ch nh t m t công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý s chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên Công ty h o c chuyên gia c l p. T t c các chi

phí liên quan đến thanh lý sổ của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho các quan hệ ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tài sản thuộc về thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bồi hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nợ có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên (a) đến (e) trên đây sẽ phân chia cho các cổ đông. Các cổ đông ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX

GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giới quy định tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khi xảy ra sự kiện có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ nội bộ hay từ bất cứ quy định hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông và Công ty; hoặc
- b. Cổ đông và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chỉ định vị trí giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yêu cầu liên quan đến tranh chấp trong vòng một ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, một bên nào đó có thể yêu cầu Ban kiểm soát chọn một chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thể quy định hòa giải trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải không có các bên chấp nhận, một bên nào đó có thể đưa tranh chấp ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới tất cả thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXI
BỔ SUNG VÀ SỬ DỤNG

Điều 61. Bổ sung và sửa đổi

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều này phải chịu sự phê duyệt của Hội đồng xem xét quy định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa có quy định trong bản Điều này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những quy định trong Điều này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII
NGÀY HIỆN TẠI

Điều 62. Ngày hiện tại

1. Bản Điều này gồm XXII chương 63 điều, được Hội đồng Công ty Cổ phần Xây dựng 565 nhất trí thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2009 tại Hòa Bình và cùng chấp thuận hiện tại toàn văn của Điều này.
2. Điều này chia thành 10 phần, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 phần nội dung tại Phòng công nghệ Nhà sản xuất và phát triển
 - b. 05 phần nội dung kỹ thuật quan trọng quy định theo quy định của Tổng công ty xây dựng Trường Sơn và Ủy ban nhân dân Thành phố Hòa Bình.
 - c. 04 phần nội dung tại Văn phòng Công ty
3. Điều này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc đại diện pháp nhân hai thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 63. Chữ ký của các công đồng sáng lập hoặc các đại diện theo pháp luật của Công ty./.

Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn

**Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm
Giám đốc Công ty**

đi n:

Nguyễn Mạnh Toàn:

Lê Văn Thành:

Trần Văn Hải:

Nguyễn Mạnh Toàn

PH L C I

Kèm theo i u l T ch c và Ho t ng c a Công ty C ph n Xây d ng 565

DANH SÁCH C ÔNG SÁNG L P

TT	Tên c ông	CMTND/ KKD	a ch	T ng s c ph n n m gi	T l c ph n n m gi (%)
1	T ng Công ty xây d ng Tr ng S n	110736	S 475, ng Nguy n Trãi, qu n Thanh Xuân, Hà N i	1.342.235	52,83
	i di n				
1.1	Nguy n M nh Toàn	113415210	Ng Hi p, Thanh Trì, Hà N i	536.941	21,13
1.2	Lê c Th ng	113415208	Ph ng Tân Th nh, thành ph Hòa Bình, t nh Hòa Bình	402.647	15.85
1.3	Tr nh V n H i	113415212	Ph ng V n Quán, qu n Hà ông, Hà N i	402.647	15.85
2	Nguy n M nh Toàn	113415210	Ng Hi p, Thanh Trì, Hà N i	13.435	0,53
3	Lê c Th ng	113415208	Ph ng Tân Th nh, thành ph Hòa Bình, t nh Hòa Bình	7.660	0,30
4	Tr nh V n H i	113415212	Ph ng V n Quán, qu n Hà ông, Hà N i	15.823	0,62